HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Dự án đầu tư

TRẠI CHĂN NUÔI HEO CỦA HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN

Địa điểm: thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

Tây Sơn, tháng năm 2024

HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Dự án đầu tư

TRẠI CHĂN NUÔI HEO CỦA HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN

Địa điểm: thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

CHỦ DỰ ÁN	**ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO**
HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÍN MỸ**
Chủ hộ kinh doanh	**Giám đốc**
Nguyễn Thị Thảo Nguyên	**Nguyễn Thành Nhân**

Tây Sơn, tháng năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
MT	Môi trường
NT	Nước thải
NTSH	Nước thải sinh hoạt
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
STNMT	Sở Tài nguyên Môi trường
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TN&MT	Tài nguyên & Môi trường
TT-BTNMT	Thông tư – Bộ Tài nguyên môi trường
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC HÌNH

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên
- Địa chỉ: thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Người đại diện: (Bà) Nguyễn Thị Thảo Nguyên
- Chức vụ : Chủ hộ kinh doanh
- Điện thoại : 0336 147 749
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 35H8004048 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2020 do Phòng Tài chính – Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn cấp;
- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Trại chăn nuôi heo của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên" số 03/UBND-GXN ngày 02/11/2020 của UBND huyện Tây Sơn.

1.2. Tên cơ sở

"Trại chăn nuôi heo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên"

(Sau đây gọi tắt là Cơ sở hoặc Trang trại)

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Dự án "Trại chăn nuôi heo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên" (công suất 450 con/năm) được đầu tư xây dựng trên diện tích tổng thể là 11.938 m^2, có phạm vi quy hoạch giao lô H6, H7, H8, H14, H15, H16 thuộc Điểm chăn nuôi tập trung thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Vị trí tiếp giáp của các khu vực sau:

- Phía Đông tiếp giáp: Trại heo của hộ Nguyễn Thanh Phong
- Phía Tây tiếp giáp: Trại heo của hộ Nguyễn Thanh Tùng
- Phía Nam tiếp giáp: hồ câu cá
- Phía Bắc tiếp giáp: đường giao thông nội bộ của điểm chăn nuôi tập trung thuộc thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân.

Hình 1.1 Sơ đồ vị trí thực hiện dự án

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 719436, số vào sổ cấp GCN số CH01167, tại thửa đất số H6, H7, H8, H14, H15, H16, tờ bản đồ số 26 do UBND huyện Tây Sơn – tỉnh Bình Định cấp ngày 17/09/2015.
- Quy mô dự án đầu tư của dự án: Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về Luật Đầu tư công (Luật đầu tư công số 39/2019/QH14): Dự án nhóm C (Tổng vốn đầu tư của dự án là: 300.000.000 VNĐ).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất của cơ sở:

- Năng lực sản xuất của Trang trại là: 450 con heo thịt/năm.
- Thời gian trang trại nhập lợn con vào nuôi là khoảng tháng 2 và tháng 8 hàng năm.
- Trong thời gian hoạt động trước đây, công nghệ chăn nuôi tại cơ sở theo kiểu chuồng hở, không đảm bảo năng suất sản xuất và có phát sinh mùi hôi ra khu vực xung quanh. Do đó, để nâng cao hiệu quả chăn nuôi và hạn chế mùi hôi phát sinh trong quá trình chăn nuôi trang trại, Chủ trang trại đã tiến hành cải tạo các chuồng nuôi 100% theo kiểu chuồng lạnh có diện tích 300m^2/01 dãy chuồng, gồm 02 dãy chuồng tương tự nhau.

1.3.2. Các hạng mục công trình cơ sở đã đầu tư xây dựng.

Trại chăn nuôi heo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên được xây dựng với diện tích tổng thể quy hoạch là 11.938m^2.

Trên tổng thể mặt bằng diện tích đất khu vực cơ sở được phân thành các khu có chức năng sử dụng đất riêng biệt, được liên kết chặt chẽ với nhau về không gian kiến trúc cảnh quan và trục liên kết giao thông hợp lý.

Căn cứ vào tính chất sử dụng, các hạng mục công trình của các chuồng nuôi của cơ sở chia thành nhiều loại tương ứng với các giải pháp kiến trúc thích hợp. Hệ thống chuồng trại được xây dựng khung thép tiền chế mái lợp tôn kết hợp tường gạch xây, vừa đảm bảo chất lượng, mỹ thuật của cơ sở. Hình thức kiến trúc đơn giản, phù hợp với vẻ đẹp công nghiệp và hiện đại. Trong khuôn viên của cơ sở có nhà văn phòng, hành chính được thiết kế 1 tầng với kiến trúc nhà văn phòng hiện đại và trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý trang trại chăn nuôi hiệu quả và an toàn.

Các hạng mục công trình xây dựng được trình bày tại bảng sau:

Bảng1.1 Diện tích các hạng mục công trình xây dựng

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Diện tích
1	Dãy chuồng nuôi (15x20)m	02	m^2	600
2	Văn phòng làm việc và nhà nghỉ công nhân (6x6)m	01	m^2	36
3	Nhà tắm (4x5)m	01	m^2	20
4	Nhà vệ sinh (4x4)m	01	m^2	16
5	Khu vực khử trùng xe (3x5)m	01	m^2	15
6	Nhà sát trùng người (7x3)m	01	m^2	21
7	Kho chứa cám (4x5)m	01	m^2	20
8	Hố hủy xác heo (3,5x3x1,5)m	01	m^2	10,5
9	Kho chứa chất thải (3x3)m	01	m^2	9
10	Nhà xuất heo (5x5)m	01	m^2	25
11	Hố thu gom phân (4x2x2,8)m	01	m^2	8
12	Hầm biogas lót bạt HDPE (20x10x5)m	01	m^2	200
13	Hồ lắng sau biogas (4x4x5)m	01	m^2	16
14	Bể chứa nước thải sau xử lý (10x8x5)m	01	m^2	80
15	**Đường giao thông nội bộ**	**01**	**m^2**	**374**
16	**Cây xanh**	**01**	**m^2**	**10.234,84**
17	**Đất khác và các công trình phụ trợ khác)**	**01**	**m^2**	**252,66**
Tổng diện tích			**m^2**	**11.938**

Nguồn: Chủ trang trại

1.3.3. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

❖ **Quy trình sản xuất chăn nuôi như sau:**

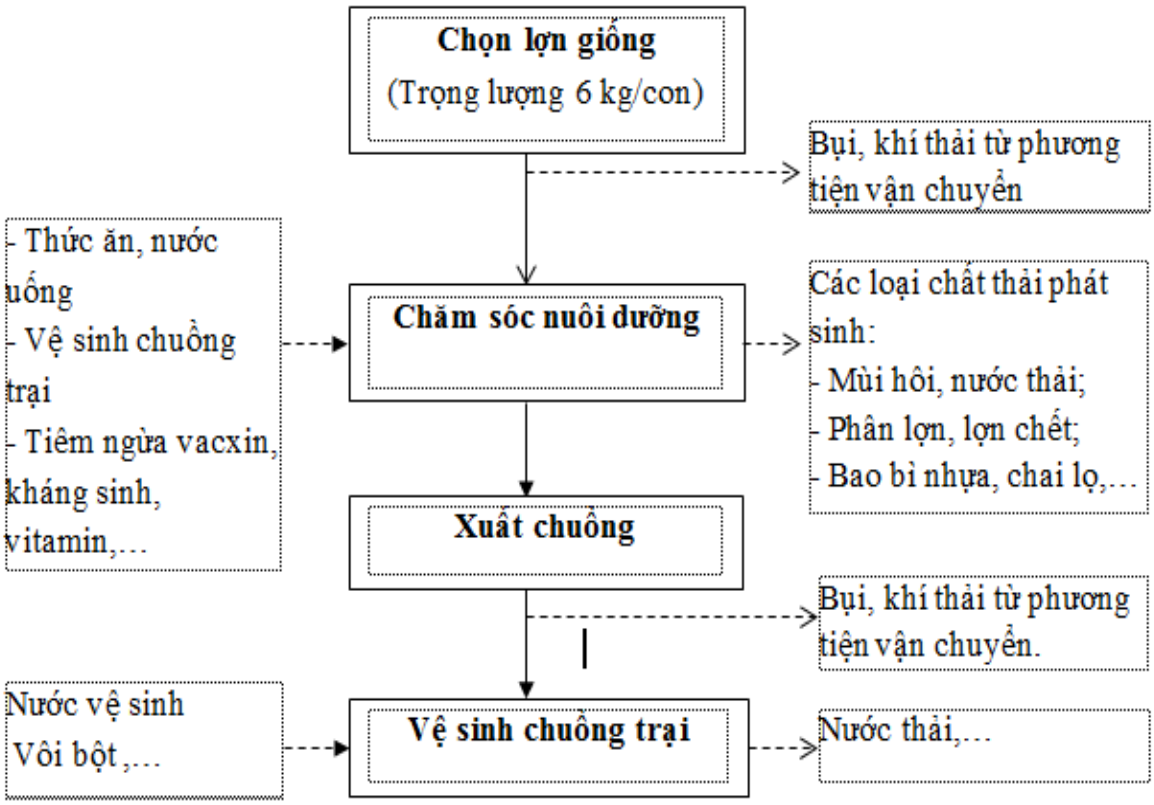

Hình 1. 1 Sơ đồ quy trình chăn nuôi của cơ sở

❖ **Thuyết minh quy trình:**

a. Quy trình sản xuất chăn nuôi:

Quy trình sản xuất chăn nuôi của Trang trại sẽ gồm các bước chính sau:

- Heo giống nhập về trại có trọng lượng khoảng 6kg/con.
- Heo con đảm bảo được kiểm tra kỹ, tất cả đều khỏe mạnh, có giấy chứng nhận kiểm dịch (do cơ quan thú y cấp). Heo được nuôi tại trại trong khoảng 5 tháng, khi trọng lượng đạt khoảng 65 ÷ 95 kg thì xuất chuồng.
- Sau khi xuất chuồng, thực hiện vệ sinh phòng dịch bằng khử trùng, vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, sau đó mới tiến hành nhập đợt heo mới.

b. Quy trình chăm sóc đàn heo thịt:

- Tiêm phòng: tiêm phòng cho heo lúc 8 – 12 tuần tuổi (giai đoạn trước khi heo đưa vào nuôi thịt). Tiêm các loại vaxine thông thường (Dịch tả, FMD), riêng đối với bệnh Phó thương hàn cần tiêm cho heo trong thời kỳ heo con theo mẹ và sau đó có thể tiêm phòng nhắc lại. Thông thường sau khi tiêm lần 1 khoảng 10 – 20 ngày, lợn có thể được tiêm nhắc lại hay bổ sung;
- Tẩy giun sán: trước khi đưa heo vào nuôi thịt nên tiến hành tẩy các loại giun sán;
- Chuồng trại phải thoáng mát, có sự lưu chuyển không khí với vận tốc gió trung bình từ 0,5 – 1m/s;

- Nền chuồng luôn khô ráo, có độ dốc thoát nước tốt, tránh trơn trượt hoặc gồ ghề, hạn chế chất thải trong khu vực nuôi.

c. Quy trình cho ăn:

- Cơ thể heo thịt phát triển theo 2 giai đoạn:

+ Ở giai đoạn đầu: cơ thể heo sẽ phát triển số lượng tế bào cơ và giai đoạn còn lại sẽ phát triển kích thước tế bào. Do đó, ở giai đoạn đầu ta cần cho heo thịt ăn với số lượng tự do theo nhu cầu để giúp heo tăng tối đa số lượng tế bào.

+ Ở giai đoạn sau: cho heo ăn theo định mức để hạn chế quá trình hình thành tế bào mỡ, như vậy sẽ giúp giảm chi phí cho đàn heo thịt và tăng tỉ lệ nạc.

- Cách cho ăn: bố trí máng ăn đủ cho số heo trong đàn để hạn chế mức ăn không đồng đều và cho ăn nhiều lần trong ngày để tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, tập cho heo có phản xạ ăn theo giờ để tăng khả năng tiêu hóa.

- Trong quá trình cho ăn, theo dõi tình trạng sức khỏe và khả năng ăn vào của từng con trong chuồng. Ngoài ra, cần chú ý đến chất lượng thức ăn phải đủ dưỡng chất và không bị nhiễm độc tố nấm mốc.

d. Quy trình tắm heo:

- Trong mỗi chuồng trại nuôi heo, tại mỗi ô nuôi sẽ được thiết kế một hồ tắm chạy dọc theo chiều dài của ô nuôi, được thiết kế thấp hơn đáy hồ tắm, dốc về hướng quạt hút và hướng về hệ thống thu gom nước thải.

- Tại cuối mương có lắp đặt van đóng mở phục vụ thu gom nước.

e. Vệ sinh chuồng trại bằng khử trùng

- Khử trùng hàng ngày: Đối với chuồng trại được vệ sinh hàng ngày với tần suất 01 lần/ngày.

- Khử trùng sau khi xuất heo: Sau khi xuất hết tất cả heo trong một trại, tiến hành làm vệ sinh toàn bộ bao gồm trần, nền, tường, vách ngăn, trang thiết bị, dụng cụ dùng trong chuồng nuôi.

- Sử dụng vôi bột để khử trùng chuồng trại, lượng vôi khử trùng ước tính khoảng 200g/m^2 sàn. Sau vài ngày, tiến hành quét dọn vôi sạch sẽ, nhập lứa heo mới vào.

- Đối với các dụng cụ, thiết bị được khử trùng bằng thuốc và để khô tối thiểu trên 12 giờ mới đưa vào sử dụng lại.

- Trong chăn nuôi heo, chất thải chủ yếu là phân, nước tiểu, nước vệ sinh chuồng, thức ăn thừa, bao bì đựng thức ăn, vỏ thuốc thú y, heo chết,... Nguồn chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến môi trường, vì vậy Chủ cơ sở sẽ quan tâm kiểm soát.

f. Vệ sinh thú y và biện pháp đảm bảo an toàn dịch bệnh

Thực hiện phương châm phòng bệnh là chính:

- Xây dựng nội quy ra vào trại để đảm bảo an toàn dịch bệnh, tất cả công nhân trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo bảo hộ, ủng của trại, phun sát trùng bằng Chloramin-B, nhúng ủng vào hố khử trùng trước khi vào các chuồng nuôi. Công nhân sau khi nghỉ phép quay lại làm việc phải ở cách ly 02 ngày trước khi xuống chuồng làm việc.
- Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào Trang trại đều phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng.
- Thực hiện tiêm phòng khép kín vaccine LMLM, Dịch tả, Tụ huyết trùng, phó thương hàn, E.coli…
- Định kỳ tẩy giun, sán; phòng, trị ghẻ cho đàn heo.
- Tuyệt đối không sử dụng thức ăn bị ẩm mốc, thức ăn kém chất lượng cho đàn heo.
- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 1 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên heo 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Định kỳ phát quang bụi rậm, khai thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 1 lần/tháng
- Không vận chuyển heo, thức ăn, chất thải hay vật dụng khác chung một phương tiện vận chuyển.
- Có biện pháp để kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác (nếu có) trong trang trại. Khi sử dụng bẫy, bả phải có biển thông báo và ghi sơ đồ chi tiết vị trí đặt bẫy, bả và thường xuyên kiểm tra thu gom để xử lý.
- Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa heo mới đến. Trong trường hợp trại bị dịch, phải để trống chuồng ít nhất 21 ngày.

1.3.4. Sản phẩm của cơ sở*:* 450 con heo thịt/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu.

❖ **Nhu cầu thức ăn.**

- Đối với thức ăn cho heo, sử dụng 100% thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Nguồn cung cấp thức ăn cho heo tại trang trại là từ các đại lý bán thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Thức ăn nhập về kho dạng bao 40kg, được công nhân vận chuyển lưu chứa tại kho chứa cám. Sau đó thức ăn được mang đổ vào các máng ăn và cho heo ăn.
- Với tổng đàn heo là 450 con/năm, tổng lượng thức ăn trong một ngày được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1. 1 Nhu cầu thức ăn cho heo tại cơ sở

Nhu cầu		Số lượng (kg/ngày)	Tổng lượng thức ăn/lứa (tấn)
Thức ăn chăn nuôi	Bắt đầu nuôi 0,5 kg/con	225	1,013
	Tháng thứ 2 (1÷1,5 kg/con)	675	3,038
	Tháng thứ 3,4 (1,8÷2,2 kg/con/ngày)	990	4,455
	Tháng thứ 5 (1,5÷3,0 kg/con/ngày)	1.350	6,075
Tổng			**14,581 ≈ 14,6**

Nguồn: Chủ trang trại

Như vậy tổng lượng thức ăn cho 01 lứa nuôi ước tính khoảng 14,6 tấn/năm.

Các nguyên phụ liệu hoá chất, vacxin.

- Nguyên liệu phụ chủ yếu cho trại chăn nuôi là thuốc sát trùng, thuốc thú y, thuốc kháng sinh,…

Bảng 1. 2. Danh mục thú y, hóa chất

STT	Sản phẩm	Nguồn gốc	Số lượng (liều dùng)
KHÁNG SINH			
1.	Ampisur	Ceva (Pháp)	Tiêm bắp, 3 ngày liên tục. 1ml/10kg thể trọng
2.	Vetrimoxin L.A.	Ceva (Pháp)	Tiêm bắp, tiêm 2 mũi cách nhau 1 ngày. 1ml/10kg thể trọng
3.	Proguard 5%	Octa (Thái Lan)	Tiêm bắp, 3 ngày liên tục. 1ml/10kg thể trọng
4.	Dinamutilin 20%	Việt Nam	Tiêm bắp, 3 ngày liên tục. 1ml/25kg thể trọng.
5.	Kanamycin	CP Việt Nam	Tiêm bắp, 3 ngày liên tục. 1ml/10kg thể trọng.
6.	Nor 100	CP Việt Nam	Tiêm bắp, 3 ngày liên tục. 1ml/10kg thể trọng.
7.	Gentamycin	CP Việt Nam	Tiêm bắp, 3 ngày liên tục. 1ml/10kg thể trọng.
8.	Terramycine L.A.	Pfizer (Mỹ)	Tiêm bắp, 1ml/10kg thể trọng.
9.	Toltralil - S	Thái Lan	Cho uống lúc 5 ngày tuổi, 1 giọt/con.

STT	Sản phẩm	Nguồn gốc	Số lượng (liều dùng)
10.	Octamix A.C.	Octa (Thái Lan)	Trộn cám (10g/50kg) hoặc pha nước 1-2g/lít nước.
11.	Proguard 1%	Octa (Thái Lan)	Cho uống 1ml/6-10 kg thể trọng. Điều trị 2 – 3 ngày liên tục
12.	Roxolin	Thái lan	Trộn cám 250 – 400g/tấn thức ăn
13.	CTC		2.5 – 3kg/tấn thức ăn
VITAMIN			
14.	FERRUM B12	Đức	Tiêm bắp lúc 3 ngày tuổi, 2ml/con
15.	CALCI B12	CP Việt Nam	Tiêm bắp, 1ml/10kgP
16.	B.COMPLEX	CP Việt Nam	Tiêm bắp, 1ml/10kgP
17.	NOPSTRES	Singapore	Pha nước uống tổng quá trình điều trị 1kg/2000 lít nước
THUỐC SÁT TRÙNG			
18.	OMNICIDE	CP Việt Nam	Pha nước tỉ lệ 1/2000
19.	HCG - 150	CP Việt Nam	Pha nước tỉ lệ 1/2000
20.	TAKTIC	CP Việt Nam	Pha nước phun, xịt 4ml/1 lít nước
VẮC - XIN			
21.	AD BEGONIA	CP Việt Nam	2ml/con
22.	COGLAPEST	CP Việt Nam	Sau khi pha chích 2 ml/con
23.	RESPISURE	CP Việt Nam	
24.	AFTOPOR	CP Việt Nam	2ml/con

Nguồn: Chủ trang trại

❖ **Nhu cầu sử dụng điện:**

- Nhu cầu sử dụng điện khoảng 2.000KWh/tháng. Trong quá trình hoạt động sản xuất chăn nuôi, nguồn năng lượng mà Trang trại phải tiêu tốn chính là năng lượng điện để cung cấp cho hệ thống thiết bị chăn nuôi cũng như chiếu sáng toàn khu vực chuồng trại và khu vực phụ trợ, vận hành hệ thống quạt hút thông gió cho các dãy chuồng, phục vụ tất cả các hoạt động từ khu vực nhà nghỉ công nhân và phục vụ cho các hoạt động khác như tưới tiêu, PCCC,...
- Nguồn điện cung cấp cho trang trại được lấy từ nguồn điện 22kV của lưới điện khu

vực.

- Mục đích sử dụng: Chiếu sáng, chạy máy bơm nước, các thiết bị điện, vận hành hệ thống quạt hút thông gió các dãy chuồng.

❖ **Nhu cầu sử dụng nước:**

- ***Nguồn nước sử dụng cho trang trại được lấy từ giếng khoan được dùng để:***

+ Cung cấp phục vụ cho chăn nuôi heo;

+ Sử dụng cho các hoạt động tại trang trại gồm: sinh hoạt của nhân viên tại trang trại, nước cấp cho heo uống, vệ sinh chuồng, vệ sinh thiết bị máy móc,…

+ Ngoài ra nguồn nước cấp còn dùng cho mục đích PCCC, tưới tiêu,…

- ***Nhu cầu nước bình quân cho cán bộ, nhân viên làm việc tại trang trại:***

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình, tiêu chuẩn thiết kế của Bộ xây dựng thì tiêu chuẩn cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt là 45 lít/người.ca. Hiện tại Trang trại có 03 công nhân đang làm việc, do đó lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân là:

03 người x 45 lít/người/ngày = 0,135 m^3/ngày.đêm

- ***Nhu cầu nước bình quân cho công tác tưới tiêu, chăm sóc cây trồng trong khuôn viên dự án:***

Căn cứ tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 thì lượng nước dùng cho mục đích tưới cây có thể được ước tính như sau: 10.234,84m^2 x 4 lít/m^2/1000 ≈ 41 m^3/ngày. Tuy nhiên, trong thực tế chủ Trang trại sẽ căn cứ theo tình hình thời tiết khu vực và tình hình thực tế trong 01 lần tưới chủ Trang trại không thực hiện tưới toàn bộ diện tích cây xanh mà sẽ thực hiện tưới đan xen từng khu vực, do vậy thực tế lượng nước này sử dụng cho một lần tưới sẽ thấp hơn số tính toán theo lý thuyết. Ước tính lượng nước cho tưới cây khoảng 5m^3/ngày.

- ***Nhu cầu nước uống của lợn:*** Nhu cầu nước uống hàng ngày của lợn là khoảng 15lít/con.ngày (tính tối đa cho lợn ≥ 70 kg), lượng nước cung cấp cho lợn uống hàng ngày là: (225 con × 15L/con/ngày)/1.000 = 3,37 m^3/ngày.đêm

- ***Nhu cầu nước tắm lợn:*** Lợn tự tắm tại hồ tắm chứ không tắm bằng cách xịt rửa. Vì vậy lượng nước tắm lợn được tính theo dung tích thiết kế của hồ tắm. Mỗi chuồng xây dựng 01 hồ tắm dọc theo chiều dài của chuồng nuôi, với bề rộng và chiều sâu được thiết kế sao cho lợn có thể đầm mình trong hồ theo chiều ngang mà không bị chật chội và nước không ngập quá sâu, lượng nước mỗi lần xả vào hố tắm lợn cao khoảng 10cm. Nước tắm lợn trong 1 ngày được tính cụ thể như sau:

Mỗi dãy chuồng được chia thành 05 ô nuôi, mỗi ô có kích thước D x R = 4,0m × 6,0m. Hồ tắm lợn tại mỗi ô có kích thước là Dài x rộng x sâu = 4,0m×1,2m×0,1m. Vậy lượng nước tắm lợn mỗi ngày của một ô nuôi là: (4,0m×1,2m×0,1m) × 1 lần/ngày =

0,48m^3 nước/ngày. Tổng lượng nước tắm lợn mỗi ngày của 02 dãy chuồng đơn là: 0,48m^3 nước/ngày/ô chuồng x 5 ô/dãy x 2 dãy chuồng = 4,8 m^3/ngày.

- ***Nhu cầu nước vệ sinh chuồng:*** Lượng nước cấp cho mỗi lần vệ sinh 01 ô chuồng là 100L/lần. Vậy lượng nước cấp cho vệ sinh chuồng hàng ngày là: 100L/lần x 5 ô/dãy x 2 dãy chuồng = 1 m^3/ngày.
- Ngoài ra, cơ sở còn có lượng nước dự trữ ở bể chứa nước để phục vụ công tác PCCC khi có hỏa hoạn xảy ra.
- Như vậy tổng nhu cầu sử dụng nước cấp tối đa phục vụ cho hoạt động chăn nuôi của trang trại là: 0,135 + 5 + 3,37 + 4,8 + 1 = 14,305 ≈ 15 m^3/ngày.đêm.

Bảng 1. 3. Tổng nhu cầu cấp nước tối đa tại trang trại

STT	Đối tượng phát sinh	Nước cấp (m^3/ngày)	Nước thải (m^3/ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt công nhân	0,135	0,135	Tính bằng 100% nước cấp
2	Nước cho heo uống	3,37	3,37	Tính bằng 100% nước cấp
3	Nước tắm heo	4,8	4,8	Tính bằng 100% nước cấp
4	Nước vệ sinh, làm mát chuồng trại	1	1	Tính bằng 100% nước cấp
5	Nước tưới tiêu, chăm sóc cây trồng	5	-	
Tổng cộng		**14,305**	**9,305**	
Làm tròn		**15**	**10**	

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.

❖ **Cây xanh**

Trang trại đã tiến hành trồng và duy trì dải cây xanh trên toàn bộ diện tích 10.234,84m^2 (chiếm tỷ lệ 85,73% tổng diện tích của dự án), cây xanh được bố trí trồng chủ yếu xung quanh khuôn viên trang trại, khu vực phía Tây Bắc (cổng ra vào trại) và dải cây xanh cách ly nằm dọc theo tường rào và các dãy chuồng nuôi của trang trại.

Dải cây xanh của trang trại

Dải cây xanh cách ly

Hình 1. 2.Dải cây xanh hiện hữu tại trang trại

❖ **Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội gần khu vực dự án:**

- **Giao thông:** Quốc lộ 19 là trục giao thông huyết mạch của tỉnh, cách dự án khoảng 10km về phía Bắc.
- **Sông suối:** Tại trang trại không có hệ thống sông suối nào lớn, chỉ có mương thủy lợi ở phía Nam dự án. Mương cách trại khoảng 4km về phía Nam.
- **Hệ thực vật:** Tại khu vực dự án chủ yếu là cây lúa của người dân trồng, ngoài ra còn có cây bụi, cỏ mọc tự nhiên.
- **Khu dân cư:** Khu dân cư tập trung đông nhất ở dọc đường bê tông chính liên thôn, đoạn đường vào trang trại dân cư sống thưa thớt. Nhà dân gần nhất cách dự án khoảng 1km nằm ở phía Tây Nam và Đông Nam.
- **Công trình di tích, lịch sử:** Trong bán kinh 1km các hướng xung quanh khu vực trang trại không có chùa chiền, công trình văn hóa, di tích lịch sử nào.
- **Cơ sở sản xuất lân cận:** Các dự án khoảng 20m về phía Đông, Tây là các trang trại chăn nuôi heo của điểm chăn nuôi tập trung thuộc thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn. Phía Bắc giáp đường giao thông nội bộ điểm chăn nuôi tập trung. Phía Nam giáp hồ câu cá.

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Trại chăn nuôi heo của hộ Nguyễn Thị Thảo Nguyên được hình thành từ năm 2020 trên diện tích 11.938m^2 tại thửa đất số H6, H7, H8, H14, H15, H16, tờ bản đồ số 26 thuộc Điểm chăn nuôi tập trung thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 719436 (số vào sổ cấp GCN số CH01167) do UBND huyện Tây Sơn – tỉnh Bình Định cấp ngày 17/09/2015.
- Trại chăn nuôi heo của hộ Nguyễn Thị Thảo Nguyên đã lập Kế hoạch bảo vệ môi trường và đã được Phòng tài nguyên và môi trường huyện Tây Sơn phê duyệt tại Giấy xác nhận số 03/UBND-GXN ngày 02/11/2020.
- Hợp đồng thuê đất số 03 ngày 01/09/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tây Sơn.
- Trại chăn nuôi heo của hộ Nguyễn Thị Thảo Nguyên được xây dựng tại Điểm chăn nuôi tập trung thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, khu dân cư tập trung đông nhất ở dọc đường bê tông chính liên thôn, đoạn đường vào trang trại dân cư sống thưa thớt. Nhà dân gần nhất cách trang trại ở phía Tây Nam và Đông Nam khoảng 1.000m và cách xa trường học, chợ nên phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.

- Trang trại được thực tại khu đất có tổng diện tích khoảng 11.938 m2, thuộc thửa số: H6, H7, H8, H14, H15, H16, thuộc khu chăn nuôi tập trung thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Khu vực hiện đã có hệ thống cấp điện, hệ thống giao thông nhưng chưa có hệ thống cấp nước.

❖ **Đối với nước thải**

- Cơ sở nằm trong Điểm chăn nuôi tập trung thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, hiện tại khu vực Bình Tân chưa có hệ thống thu và xử lý nước thải tập trung nên toàn bộ nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được chủ trang trại sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút và xử lý khi có dấu hiệu đầy. Về phần nước thải chăn nuôi của trang trại được chủ cơ sở tự thu gom, lưu trữ và xử lý theo quy định.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, một phần nước mưa được ngấm vào đất, phần còn lại thu gom nước mưa chảy tràn theo hướng Đông Nam của nhà máy.

❖ **Đối với bụi, khí thải**

- Bụi, khí thải phát sinh từ trang trại là do hoạt động của xe ra vào trang trại. Tuy

nhiên mức độ không thường xuyên , vì vậy lượng bụi khí thải từ hoạt động này là không đáng kể.

- Bụi, khí thải phát sinh phát sinh từ bể Biogas cũng được trang trại có giải pháp tận thu và tái sử dụng phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của trang trại.

❖ **Đối với chất thải rắn**

- Toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh tại trang trại cũng được thu gom hằng ngày, lưu chứa tại khu vực nhà chứa chuyên dụng và xử lý loại chất thải này định kỳ theo đúng quy định.

→ Từ những lý do nêu trên cho thấy các thành phần có nguy cơ gây ô nhiễm phát sinh tại cơ sở đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra ngoài môi trường nên khả năng chịu tải của môi trường hoàn toàn có khả năng đáp ứng được lượng chất thải của cơ sở.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

Hiện nay trang trại đã xây dựng tạm thời hệ thống thu gom xử lý và thoát nước thải chăn nuôi, tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa tại trang trại.

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.

Mạng lưới thoát nước mưa của trang trại được thiết kế theo hướng tự chảy theo độ dốc của trang trại. Vì không chứa các thành phần ô nhiễm nên một phần sẽ được ngấm vào đất, phần còn lại sẽ chảy theo hướng Đông Nam của trang trại.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.

Bảng 3. 1 Lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

STT	Đối tượng phát sinh	Nước cấp (m^3/ngày)	Nước thải (m^3/ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt công nhân	0,135	0,135	Tính bằng 100% nước cấp
2	Nước cho heo uống	3,37	3,37	Tính bằng 100% nước cấp
3	Nước tắm heo	4,8	4,8	Tính bằng 100% nước cấp
4	Nước vệ sinh, làm mát chuồng trại	1	1	Tính bằng 100% nước cấp
5	Nước tưới tiêu, chăm sóc cây trồng	5	-	
Tổng cộng		**14,305**	**9,305**	
Làm tròn		**15**	**10**	

❖ **Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi tại trại:**

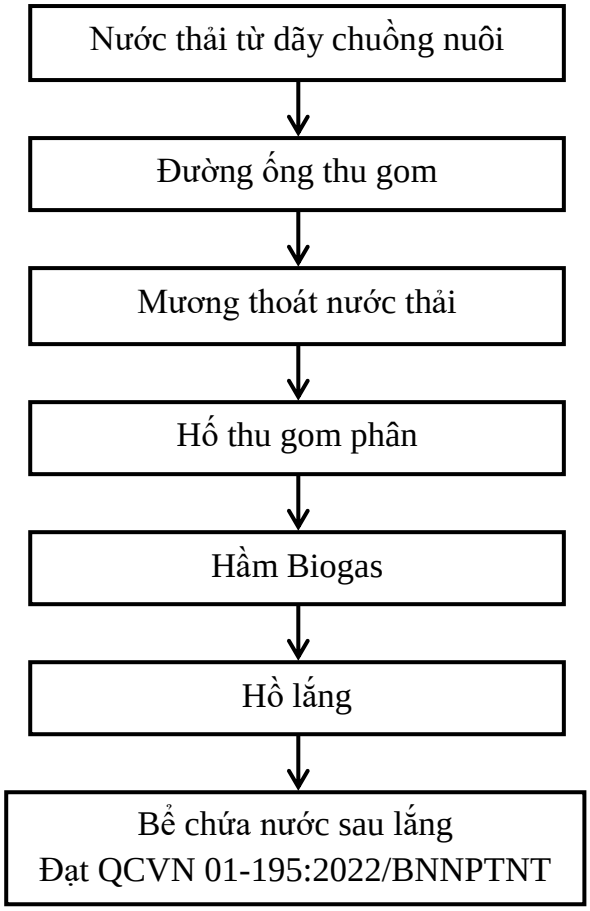

Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi

❖ **Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải chăn nuôi**:

- Nước thải từ dãy chuồng tự chảy về hố thu gom phân theo đường ống thu gom bằng các tuyến ống nhựa và mương thoát nước bằng BTCT.
- Sau khi toàn bộ lượng nước thải được dẫn về hố thu gom phân, tại đây quá trình tách phân sẽ diễn ra, phần phân sẽ được thu gom và nước thải sẽ theo đường ống tự chảy sang hầm biogas. Sau khi các vi sinh vật yếm khí xử lý các chất hữu cơ có trong nước thải, lượng nước thải từ hầm biogas theo đường ống nhựa PVC Ø220 tự chảy về hồ lắng để lắng tách phần cặn và phần nước sẽ chảy về bể chứa nước sau lắng. Tại bể chứa nước sau lắng nước thải được lưu chứa và chủ trang trại sẽ tận dụng nước này để tưới cây.

❖ **Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải như sau:**

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải hiện hữu của trang trại

STT	Hệ thống thu gom	Thông số kỹ thuật (mm)	Hình ảnh đình kèm
I	**Nước thải chăn nuôi**		
1	Nước thải từ vệ sinh chuồng trại về đường ống dẫn	Nước thải từ các dãy chuồng được thu gom bằng đường ống nhựa PVC Ø220mm dày 4mm	
2	Từ đường ống về hố thu gom phân	Nước thải từ đường ống thu gom sẽ theo hệ thống ống nhựa PVC Ø220mm dẫn về hố thu gom phân có kích thước 1,8m x 1,2m x 2,8m	
3	Từ hố thu gom phân về hầm Biogas	Nước thải từ hố thu gom phân sau quá trình lắng tách phân được dẫn về hầm Biogas lót bạt HDPE có kích thước 20m x 10m x 5m	
4	Từ bể Biogas về hồ lắng	Nước thải từ hầm Biogas tự chảy về hồ lắng có kích thước 4m x 4m x 5m	

STT	Hệ thống thu gom	Thông số kỹ thuật (mm)	Hình ảnh đình kèm
5	Nước thải từ hồ lắng về bể chứa nước sau lắng	Nước thải từ hồ lắng dẫn về bể chứa nước sau lắng có kích thước 10m x 8m x 5m	

3.1.3 Mô tả các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

Hiện tại, số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại trang trại là khoảng 03 người. Với khối lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 0,135 m^3/ngày.đêm (tính bằng 100% nhu cầu cấp nước), toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt này sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn với kích thước 3m x 3m x 3m bằng bê tông chống thấm nằm âm phía dưới nhà vệ sinh. Về sau khi bể có dấu hiệu đầy, chủ trang trại sẽ thuê đơn vị chức năng đến thu gom mang đi xử lý theo quy định.

3.1.4 Công trình thoát nước thải

Nước thải sau khi qua hồ lắng lắng phần cặn, phần nước phía trên sẽ chảy qua bể chứa nước sau lắng, lưu trữ và tận dụng để tưới tiêu cây xanh trong khuôn viên trang trại, không thải loại nước thải này trực tiếp ra ngoài môi trường. Áp dụng theo QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

3.1.5 Xử lý nước thải

a. Quy trình xử lý nước thải

Nước thải từ các dãy chuồng → Đường ống thu gom → Mương thoát nước thải → Hố thu gom phân → Hầm biogas → Hồ lắng → Bể chứa nước sau lắng.

b. Thuyết minh quy trình xử lý nước thải

- ***Đường ống thu gom:*** Phân, nước tiểu và nước rửa chuồng sẽ được thu gom bằng hệ thống ống đặt tại mỗi ô chuồng và dẫn nước thải từ chuồng ra mương thoát nước thải bằng BTCT dẫn về điểm tập trung tại hố thu gom phân. Đường ống thu gom bằng chất liệu PVC Ø220.

- ***Hố thu gom phân:*** Nước thải từ đường ống thu gom sẽ theo hệ thống ống nhựa PVC Ø220 dẫn về hố thu gom phân có kích thước 1,8m x 1,2m x 2,8m. Tại đây nước và phân heo sẽ được giữ lại nhờ quá trình lắng tách phân, nhân công sẽ tiến hành thu gom phần phân lắng và phần nước thải sẽ tự chảy vào Hầm Biogas.

- ***Hầm Biogas:*** Nước thải từ hố thu gom phân sau quá trình lắng tách phân được dẫn về hầm Biogas lót bạt HDPE có kích thước 20m x 10m x 5m. Ở Hầm Biogas các vi sinh vật yếm khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải, sinh ra khí metan và các khí khác.
- ***Hồ lắng:*** Hồ lắng có kích thước 4m x 4m x 5m làm chức năng lắng các chất lơ lửng sau khi nước thải qua hầm Biogas và ổn định nồng độ nước thải trước khi dẫn sang bể chứa.
- ***Bể chứa nước sau lắng:*** Nước thải sau khi lắng cặn lơ lửng dẫn sang bể chứa nước sau lắng có kích thước xây dựng 10m x 8m x 5m. Nước thải sau xử lý được lưu giữ tại bể này và sử dụng cho mục đích tưới tiêu cây xanh tại trang trại mà không thải loại nước thải này trực tiếp ra ngoài môi trường, áp dụng theo QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.

❖ **Mùi hôi từ khu vực chăn nuôi**

- Vệ sinh chuồng trại hàng ngày, thực hiện sát trùng định kỳ 01 lần/tuần xung quanh chuồng trại, đường nội bộ, khu vực hệ thống xử lý.
- Phun chế phẩm khử mùi hôi tại chuồng trại 02 lần/tuần
- Định kỳ nạo vét, khơi thông các mương rãnh thu gom nước thải tránh gây ứ đọng
- Thường xuyên phun vi sinh khử mùi tại khu vực nhà chứa phân để hạn chế mùi hôi
- Sử dụng các chế phẩm sinh học bổ sung hàng ngày vào khẩu phần thức ăn của heo nuôi như Biogreen, Super USA – enzim, E.M… Khi heo ăn thức ăn có trộn các loại chế phẩm sinh học này sẽ không chỉ giúp heo tiêu hóa tốt, không bị các bệnh hô hấp và đường ruột, cải thiện tình trạng tiêu chảy, giúp heo khỏe mạnh mà còn giúp phân thải ra hạn chế mùi hôi.
- Trồng cây xanh cách ly xung quanh cơ sở với diện tích khoảng 10.234,84m^2 (chiếm 85,73% tổng diện tích trang trại).

❖ **Đối với khí thải thu từ bể biogas**

- Hệ thống thu hồi khí từ biogas sẽ được chủ Trang trại thu hồi và sử dụng cho mục đích phục vụ trang trại.

3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

❖ **Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

Theo tài liệu Quản lý chất thải rắn – NXB Xây dựng thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh bình quân cho một người ở Việt Nam khoảng 0,35 – 0,8 kg/người/ngày, lấy trung bình là 0,5 kg/người/ngày. Khi trang trại đi vào hoạt động có 03 công nhân thường xuyên ở tại trang trại nên chất thải sinh hoạt phát sinh là: 3 x 0,5 = 1,5 kg/người/ngày.

Tổng số lao động của trang trại là khoảng 03 lao động. lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 548 kg/năm. Do đó lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại trang trại là không lớn. Với đặc thù khu vực trang trại chưa có đơn vị thu gom và xử lý rác thải nên lượng CTRSH phát sinh hằng ngày được thu gom vào thiết bị lưu chứa. Về sau khi khu vực có đơn vị thu gom, trang trại sẽ ký hợp đồng thu gom với cơ quan chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

❖ **Đối với chất thải rắn chăn nuôi**

a. Phân heo và bùn thải

- *Phân heo:*

Lợn nuôi tại trang trại được tập đi vệ sinh trong hồ tắm. Cho nên phân sẽ cùng với nước tắm lợn trong hồ được xả ra ngoài khi công nhân tiến hành vệ sinh chuồng trại. Hỗn hợp nước và phân này sẽ theo hệ thống mương thu gom nước dẫn về hố thu gom, sau đó dẫn chảy qua hầm Biogas.

Lượng phân lợn phát sinh được chia làm 2 giai đoạn như sau:

Mỗi lứa lợn được nuôi đến khi xuất chuồng là 06 tháng và được chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn từ 06kg đến dưới 40kg (3 tháng đầu) và giai đoạn lợn từ 40kg đến xuất chuồng (3 tháng sau).

+ Ở giai đoạn lợn từ 06kg đến dưới 40kg (giai đoạn 3 tháng đầu): Thời gian nuôi ở giai đoạn này là 90 ngày/lứa, với số lượng 2 lứa/năm thì tổng số ngày nuôi ở giai đoạn này cho cả 2 lứa là 180 ngày. Lượng phân lợn phát sinh lớn nhất khoảng 0,5 – 1 kg/con/ngày, lấy trung bình 0,75kg/con/ngày. Như vậy, ta có tổng lượng phân thải ra lớn nhất 1 ngày ở giai đoạn 3 tháng đầu là 168,75 kg/ngày.

+ Ở giai đoạn lợn từ 40kg đến xuất chuồng (giai đoạn 3 tháng sau): Thời gian nuôi ở giai đoạn này là 90 ngày cho lứa thứ 1 và 95 ngày cho lứa thứ 2. Tổng số ngày nuôi ở giai đoạn này cho cả 2 lứa là 185 ngày. Lượng phân lợn phát sinh lớn nhất khoảng 2 - 2,7kg/con/ngày, lấy trung bình 2,35kg/con/ngày. Như vậy, ta có tổng lượng phân thải ra lớn nhất trong 1 ngày ở giai đoạn 3 tháng sau là: 528,75 kg/ngày.

Tổng lượng phân heo (phân ướt) phát sinh**:** 168,75 x 180 + 528,75 x 185 = 128.193,75 kg/năm.

- *Bùn thải:*

Lượng bùn từ hầm Biogas và lượng bùn từ hồ lắng khi có dấu hiệu đầy sẽ được hợp đồng với các đơn vị chức năng sản xuất phân bón vi sinh đến để thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

b. Heo chết không do dịch bệnh

Heo chết không do dịch bệnh được tiêu hủy trong hố hủy xác có kích thước 3,5m x 3m x 1,5m, lớp đất phủ trên mặt hố cao 0,6m; tường thành hố xây gạch, tô vữa 2 mặt, quét hồ dầu chống thấm, đáy hố phủ bạt HDPE chống thấm, kết hợp thêm vi sinh khử

mùi và hóa chất khử trùng (vôi bột), để giảm thiểu mùi và phát sinh mầm bệnh ra ngoài môi trường. Ưu điểm của hố này sẽ giảm thiểu được lượng nước mưa chảy tràn vào hố, hạn chế phát sinh mùi (nắp đan đậy kín), dễ kiểm soát an toàn sinh học (bê tông chống thấm).

❖ **Quy trình tiêu hủy tại hố hủy xác của trại như sau:**

- Cho heo vào bao tải, buộc chặt miệng bao, tập trung một chỗ để phun thuốc sát trùng trước khi vận chuyển đến hố tiêu hủy;
- Sử dụng vôi bột rải lót đều đáy hố, với lượng 0,8 ÷ 1kg/m^2 diện tích đáy hố;
- Đối tượng tiêu huỷ được cho xuống hố, sau đó phun dung dịch tiệt trùng lên trên bề mặt rồi đắp đất, nén chặt, có thể dùng nước để làm ẩm lớp đất phía trên. Độ cao lớp đất từ đối tượng tiêu huỷ đến mặt đất từ 1,2÷2m và cao hơn miệng hố khoảng 0,6÷1m. Trọng lượng của đất có tác dụng ngăn chặn thú ăn thịt đào xác và giúp cho việc khử mùi, hấp thụ nước bẩn tạo ra do phân huỷ;
- Trên bề mặt hố chôn rải vôi bột, chlorine để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác. Sau khi chôn lấp cần có biển cảnh báo, cử người quản lý hố chôn trong 1÷2 ngày đầu tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm; hạn chế việc di chuyển người hay vật nuôi qua khu vực xử lý;
- Trong vòng 3÷4 tuần đầu sau khi chôn, thường xuyên kiểm tra tình hình hố chôn, kịp thời phát hiện sự cố để có biện pháp xử lý.
- Vị trí xây dựng hố chôn lấp: Dự kiến xây dựng tại khu đất phía Nam của trang trại.

3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên cần kể đến là:

Bảng 3. 3. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ Trang trại

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	Rắn	40	18 01 04
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	20	18 01 03
3	Bao bì mềm thải	Rắn	10	18 01 01
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	2	13 01 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
6	Giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	5	18 02 01
7	Pin ắc quy thải	Rắn	4	16 01 12
Tổng cộng			**83**	

Nguồn: Chủ trang trại

Để hạn chế khả năng gây tác động đến môi trường từ nguồn chất thải của trang trại, trong khi chờ xây dựng mới 01 kho chứa CTNH, chủ trang trại đã bố trí 01 vị trí lưu chứa CTNH tạm thời tại kho chứa cám, đảm bảo cách li tuyệt đối với thức ăn chăn nuôi tại đây. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

Đối với xác heo chết do dịch bệnh với số lượng lớn, chủ trại sẽ thông báo đến các đơn vị chức năng của địa phương để kịp thời nắm bắt thông tin, có giải pháp quản lý, kiểm soát tình hình và hướng dẫn, phối hợp triển khai công tác xử lý tiêu hủy một cách hiệu quả, an toàn và đúng quy định của các cơ quan nhà nước về công tác xử lý heo bị dịch bệnh.

3.5 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn gây ồn trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động chủ yếu là từ các phương tiện vận chuyển thức ăn gia súc, thiết bị vật tư và sản phẩm ra vào trang trại và tiếng ồn từ đàn heo kêu. Để giảm thiểu tác động do tiếng ồn chủ dự án sẽ thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:
- Các phương tiện vận chuyển ra vào dự án đều phải được kiểm soát, điều tiết có kế hoạch hợp lý, hạn chế vận chuyển vào các giờ cao điểm, các giờ nghỉ trưa và sau 22 giờ đêm.
- Hạn chế bóp còi khi ra vào khu vực dự án và trên tuyến đường vận chuyển qua lại có dân cư sinh sống.
- Đối với tiếng ồn do tiếng kêu của heo từ các dãy chuồng, thực tế ghi nhận với việc sử dụng công nghệ chăn nuôi một cách khoa học, đàn heo sẽ đảm bảo luôn được cung cấp đầy đủ dinh dưỡng trong ngày nên sẽ không xảy ra tình trạng heo bị đói, do đó hạn chế được việc đàn heo kêu lớn mỗi khi cho ăn.
- Ngoài ra, với dãy cây xanh được trồng tại trang trại không chỉ góp phần hạn chế bụi, khí thải trong môi trường không khí mà còn rất hiệu quả trong việc cách giảm tiếng ồn từ trang trại ra môi trường xung quanh.

3.6 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ **Đối với công trình thu gom và xử lý nước thải.**

- Thường xuyên kiểm tra và giám sát hệ thống xử lý nước thải của trang trại với các thông số kỹ thuật như: cao độ mực nước, độ dày lượng bùn lắng, áp suất của hầm biogas, tình trạng và kết cấu nền đất của khu vực xung quanh các bể cùng các chỉ tiêu kỹ thuật của kết cấu các bể và các phụ kiện lắp đặt.
- Tập huấn cho công nhân, đảm bảo hiểu rõ quy trình để phát hiện và ứng phó kịp thời các sự cố có thể xảy ra.
- Thực hiện chế độ bảo dưỡng đúng định kỳ để đảm bảo hệ thống xử lý luôn hoạt động hiệu quả.

❖ **Đối với công trình thu gom và xử lý khí Biogas.**

- Thường xuyên kiểm tra công trình thu gom và xử lý khí Biogas của Trang trại với các hạng mục như: bạt che phủ, đường ống thu và dẫn khí gas,....
- Thực hiện chế độ bảo dưỡng định kỳ thường xuyên đối với các hạng mục công trình thu gom, ống dẫn,…

❖ **Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác**

- ***Các biện pháp ngăn ngừa và ứng cứu sự cố cháy nổ***

+ Hệ thống điện được thiết kế, lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn;

+ Công tác phòng chống cháy nổ được đặt lên hàng đầu và được quán triệt đến toàn thể công nhân làm việc tại trang trại. Trang trại đã trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC theo quy định. Đồng thời, nghiêm cấm các hoạt động có thể gây cháy nổ trong khu vực, công nhân vi phạm các quy định về PCCC sẽ có những biện pháp xử lý, nếu tái phạm có thể sẽ bị cho thôi việc.

- ***Phòng ngừa sự cố dịch bệnh***

+ Thực hiện phương pháp phòng bệnh là chính;

+ Xây dựng nội quy ra vào trại để đảm bảo an toàn dịch bệnh;

+ Thực hiện chăn nuôi khép kín, tiêm vacxin đầy đủ cho đàn vật nuôi;

+ Định kỳ phun thuốc sát trùng;

+ Khai thông cống rãnh, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.7 Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có

3.8 Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Về mặt công nghệ xử lý: cơ bản trang trại vẫn sử dụng công nghệ xử lý sinh học.
- Các thay đổi đối với công trình BVMT so với báo cáo KHBV môi trường đã được duyệt như sau:

Bảng 3. 4. Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với báo cáo KHBV môi trường

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo KHBV môi trường	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Quy mô chăn nuôi	404 con gồm: - Heo nái: 50 con - Heo đực: 4 con - Heo con: 350 con/lứa (150 heo cai sữa đem bán, 200 heo cai sữa nuôi lấy thịt	450 con heo thịt/năm

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo KHBV môi trường	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
		thương phẩm)	
2	Số lượng công nhân	05 người	03 người

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

A. Nội dung cấp phép xả nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi heo

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt

b. Lưu lượng xả nước thải tối đa.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của nước thải chăn nuôi heo: 9,17m^3/ngày.đêm (từ hoạt động tắm của heo và vệ sinh chuồng trại).

c. Dòng nước thải

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải của trang trại xử lý đảm bảo đạt theo QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

d. Vị trí và nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận:

+ Nguồn số 01: Nước sau bể lắng sẽ được lưu chứa tại Bể chứa nước sau lắng.

+ Nguồn số 02: Hợp đồng đơn vị có chức năng đến thu gom khi bể có dấu hiệu đầy.

- Vị trí:

+ Bể chứa nước sau lắng có tọa độ X = 1545347; Y = 577005 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°).

+ Bể tự hoại có tọa độ X = 1545404; Y = 576899 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°).

+ Chất lượng nước thải: Giá trị các thông số ô nhiễm được phép xả thải vào nguồn nước không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn các thông số của nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT	Loại cây trồng được sử dụng
1	pH	-	**5,5 - 9**	Các loại cây trồng
2	Clorua (Cl^-)	mg/L	**≤ 600**	
3	Asen (As)	mg/L	**≤ 0,1**	
4	Cadimi (Cd)	mg/L	**≤ 0,01**	
5	Crom tổng số (Cr)	mg/L	**≤ 0,5**	
6	Thủy ngân (Hg)	mg/L	**≤ 0,002**	
7	Chì (Pb)	mg/L	**≤ 0,05**	

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT	Loại cây trồng được sử dụng
8	E.coli	MPN hoặc CFU/100 mg/L	**≤ 200**	Các loại cây trồng
			> 200 – 1.000	Các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu hàng năm.
			> 1.000 – 5.000	Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày không sử dụng là thực phẩm, thức ăn cho vật nuôi.
			> 5.000	Không sử dụng cho các loại cây trồng

Ghi chú:

- QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.
- Chế độ xả thải: Bơm tưới cây trong khu vực trang trại vào mỗi buổi sáng và chiều trong ngày.
- Phương thức xả thải: Bơm.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.

a. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn đặt phía dưới nhà vệ sinh của trang trại sẽ xử lý toàn bộ cặn lắng. Khi bể có dấu hiệu đầy chủ trang trại sẽ thuê đơn vị thu gom đến hút để xử lý.
- Xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt đi riêng với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước thải của mỗi dãy chuồng nuôi được thoát bằng hệ thống mương dẫn BTCT có nắp đan đậy kín (0,5m x 0,4m) dẫn về hố thu gom phân.
- Đường ống thoát chất rắn – bẩn: các chất thải như phân và nước tiểu được đi chung một đường ống, được đấu nối từ bộ xả của chuồng và đi vào đường ống chính để dẫn về hố thu gom phân.

b. Quy trình thu gom và xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ: Nước thải từ các dãy chuồng → Đường ống thu gom → Mương thoát nước → Hố thu gom phân → Biogas → Hố lắng → Bể chứa nước sau lắng.
- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi được tuần hoàn, tái sử dụng cho tưới cây trong phạm vi trang trại theo quy định của pháp luật, không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

c. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với hầm biogas: thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khí gas phát sinh từ hầm biogas được thu gom, dùng vào mục đích sinh hoạt và phần còn dư được đốt bỏ có kiểm soát.
- Đối với các công trình phụ trợ khác: thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh đường ống; giám sát hệ thống thu gom nước thải và đấu nối nước thải để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn đường ống.

4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Không có

4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

A. Nội dung đề nghị cấp phép

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Sau quạt hút cuối dãy chuồng nuôi số 1
- Nguồn số 02: Sau quạt hút cuối dãy chuồng nuôi số 2

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cuối dãy chuồng nuôi số 1, có tọa độ X = 1545417; Y = 576987 *(theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°)*;
- Nguồn số 02: Khu vực cuối dãy chuồng nuôi số 2, có tọa độ X = 1545390; Y = 576989 *(theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°)*.

c. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- *Tiếng ồn:*

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- *Độ rung:*

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	75	Mức nền	-	Khu vực thông thường

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống
- Lắp vật liệu chống rung

- Sử dụng vật liệu cách âm đối với các nguồn gây tiếng ồn lớn
- Thường xuyên cải tiến thiết bị, công nghệ để hạn chế nguồn gây tiếng ồn và độ rung
- Trồng cây xanh khu vực xung quanh khu vực trang trại

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Yêu cầu quản lý chất thải

A. Quản lý chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Bảng 4.2 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	Rắn	40	18 01 04
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	20	18 01 03
3	Bao bì mềm thải	Rắn	10	18 01 01
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	2	13 01 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
6	Giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	5	18 02 01
7	Pin ắc quy thải	Rắn	4	16 01 12
Tổng cộng			**83**	

Nguồn: Chủ trang trại

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 547,5kg/năm
- Chủng loại: Chủ yếu là vỏ bao bì, hộp thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn thông thường khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên tại trang trại.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng, can chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, có dán nhãn nhận viết chất thải nguy hại đảm bảo công tác phân loại, lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.
- Khu vực lưu chứa: Lưu chứa tại kho chứa chất thải được bố trí trong khu vực trang trại, nền bê tông chống thấm, có mái che, đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào và trang bị đầy đủ thiết bị dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

b. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đảm bảo công tác phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.
- Khu vực để thiết bị lưu chứa: Gần kho chứa CTNH, đảm bảo công tác thu gom và lưu chứa.

c. Thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh tại trang trại

- Đối với chất thải nguy hại được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định về chất thải nguy hại.
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt phải lưu trữ và vận chuyển đến điểm thu gom, về sau khu vực trang trại có đơn vị thu gom thì hợp đồng và bàn giao cho đơn vị thu gom theo quy định.

4.5. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.
- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến cơ quan chức năng và các cấp chính quyền để có hướng giải quyết kịp thời. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, chủ Trang trại hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.
- Thu gom, xử lý các loại chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại) phát sinh trong quá trình vận hành trang trại đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và có biên bản bàn giao chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Ngoài ra, thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Không có

5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước ngầm:

Bảng 5. 1 Kết quả quan trắc đối với nước ngầm năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,04
2	TDS	mg/l	HDCV-TB-03	542
3	Clorua (Cl^-)	mg/l	TCVN 6194:1996	72
4	Amoni ($NH4^+$)	mg/l	US.EPA Method 350.2	0,21
5	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2-2009	KPH

Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2020

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:

Không có

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:

- Căn cứ theo điểm d, khoản 1, điều 31 của Nghị định 01/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Trại chăn nuôi heo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.
- Căn cứ theo khoản 3, điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thì Trại chăn nuôi heo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên đã có công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

❖ **Giám sát nước thải:**

- Vị trí quan trắc: nước thải tại Bể chứa nước sau lắng
- Chỉ tiêu giám sát: pH, Clorua, Asen, Cadimi, Crom tổng số, Thủy ngân, Chì, E.coli.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.
- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Không thực hiện

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

- Không có đề xuất.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian hoạt động từ năm 2020 đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Trại chăn nuôi heo của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên chưa có văn bản kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở "Trại chăn nuôi heo" của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Chủ hộ sẽ áp dụng các biện pháp khống chế, phòng chống sự cố và giảm thiểu các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình hoạt động của trang trại như đã nêu cụ thể trong báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về quản lý môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường tại trang trại, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.
- Các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại của trang trại tới môi trường đã được đưa ra trong báo cáo là những biện pháp khả thi, đảm bảo đạt Tiêu chuẩn và Quy chuẩn môi trường Việt Nam.
- Chủ hộ cam kết sẽ tiến hành sửa chữa, nâng cấp các công trình bảo vệ môi trường của trang trại để đảm bảo không gây ô nhiễm đến môi trường.
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai trang trại.

PHỤ LỤC

STT	Văn bản pháp lý
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 35H8004048 đăng ký lần đầu ngày 27/07/2020 do phòng Tài chính – Kế hoạch của UBND huyện Tây Sơn cấp.
2	Giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN – UBND ngày 02/11/2020 do UBND huyện Tây Sơn cấp.
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
4	Hợp đồng thuê đất số 03 ngày 01/09/2015
5	Hợp đồng kinh tế số 17/HĐKT/2020 ngày 01/03/2015
6	Các bản vẽ

UBND HUYỆN TÂY SƠN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
HỘ KINH DOANH

Số: 35H8004048

Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 7 năm 2020

1. Tên hộ kinh doanh: **NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN**

2. Địa điểm kinh doanh: ***thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.***

Điện thoại: ***0336 147 749*** Fax: Email:

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	***Chăn nuôi heo***	

4. Vốn kinh doanh: **30.000.000 đồng** ***(Ba mươi triệu đồng chẵn).***

5. Họ và tên cá nhân, hoặc tên đại diện hộ kinh doanh:

NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN ***(Nữ)***

Sinh ngày: ***02/07/1976*** Dân tộc: ***Kinh*** Quốc tịch: ***Việt Nam***

Chứng minh nhân dân số: ***211 537 022***

Ngày cấp: ***28/03/2013*** Cơ quan cấp: ***Công an tỉnh Bình Định***

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ***thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.***

Chỗ ở hiện tại: ***thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.***

Chữ ký của cá nhân đại diện hộ kinh doanh: .....

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 3213 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày 31 tháng 8 năm 2020
CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 05-T.P.BĐ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VIỆT CƯỜNG
H.TÂY SƠN-T.BÌNH ĐỊNH

Lê Việt Cường

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
H. TÂY SƠN T. BÌNH ĐỊNH

Lý Kim Đình

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /UBND-GXN	*Tây Sơn, ngày 02 tháng 11 năm 2020*

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN XÁC NHẬN

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Trại chăn nuôi heo tại Điểm chăn nuôi tập trung xã Bình Tân, thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, với quy mô chăn nuôi: 404 con, gồm: 50 con heo nái, 04 con heo đực giống và 350 heo con/lứa vào ngày 21/10/2020

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thảo Nguyên có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký, với thời hạn hoàn thành như sau:

STT	Các công trình quản lý, xử lý chất thải	Thời gian hoàn thành
01	Hệ thống bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt	Đã hoàn thành
02	Hầm biogas xử lý nước thải chăn nuôi	Đã hoàn thành
03	Hố xử lý xác heo chết	Quý I năm 2021
04	Thùng lưu giữ chất thải nguy hại	Quý I năm 2021
05	Trang bị thùng thu gom chất thải rắn thông thường	Quý IV năm 2020

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ).

- Bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, cụ thể như sau:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi heo phải được xử lý đạt cột B, QCVN 62:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, với hệ số $K_q = 0,9$ và hệ số $K_f = 1,3$.

+ Chất lượng nước dưới đất trong khu vực dự án phải đảm bảo theo QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Chủ dự án (để thực hiện);
- Phòng TN&MT huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu: VT.

Phan Chí Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: Nguyễn Thị Thảo Nguyên
Năm sinh: **1976**, CMND số: **211537022**
Địa chỉ thường trú: Thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

BY 719436

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **H6,H7,H8,H14,H15,H16** , tờ bản đồ số: **26**

b) Địa chỉ: Điểm chăn nuôi tập trung xã Bình Tân, Thôn Mỹ Thạch, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định

c) Diện tích: 11938m², (bằng chữ: mười một nghìn chín trăm ba mươi tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác

e) Thời hạn sử dụng: Đến tháng 7/2065

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: **Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất**

Tây Sơn, ngày 17 tháng 9 năm 2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Sỹ

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực 3212 Quyển số 01 SCT/BS

Ngày 31 tháng 7 năm 2020

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 05-T.P VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VIỆT CƯỜNG H.TÂY SƠN-T.BÌNH ĐỊNH

Lê Việt Cường

Số vào sổ cấp GCN: CH01167

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

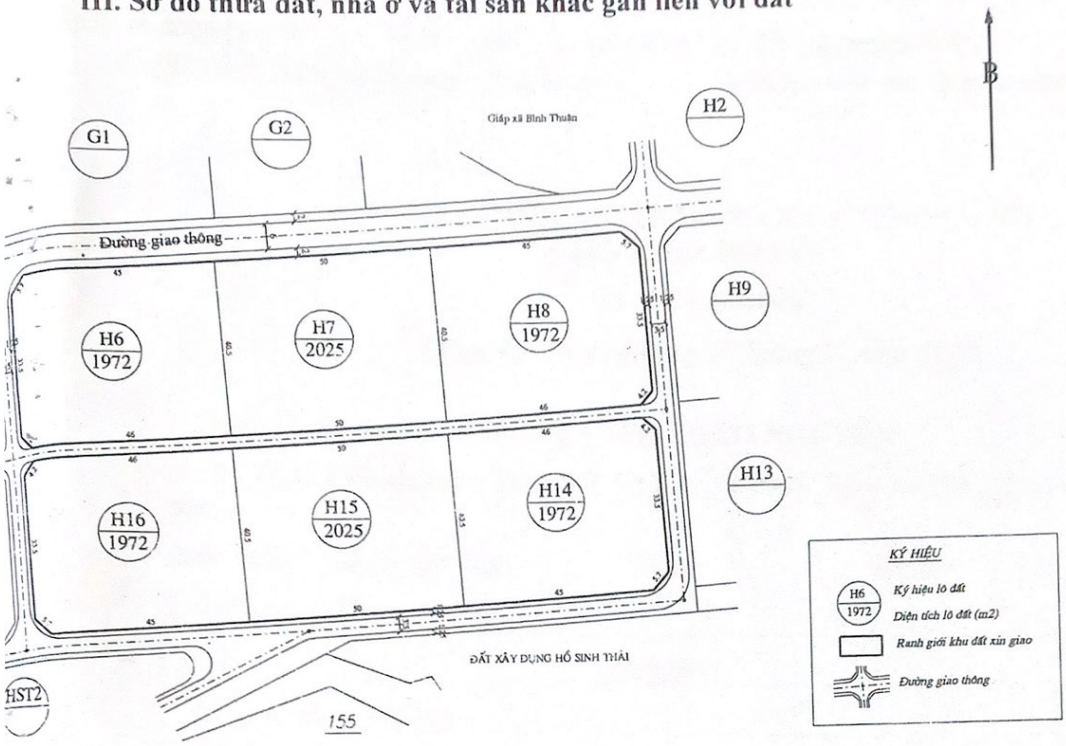

đất xin giao lô H6, H7, H8, H14, H15, H16 thuộc các thửa đất số: 150, 151, 152 và bờ hoang; tờ bản đồ 26

Tỷ lệ 1/1500

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

21011150011167

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tây Sơn, ngày 01 tháng 9 năm 2015

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất và giao cho UBND xã Bình Tân để quy hoạch điểm chăn nuôi tập trung;

Căn cứ Quyết định cho thuê đất số: 3403/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND huyện Tây Sơn;

Hôm nay, ngày 01 tháng 9 năm 2015 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất:

UBND huyện Tây Sơn: Do ông Nguyễn Xuân Hùng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

II. Bên thuê đất là: Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh năm 1976, thường trú tại thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, số chứng minh nhân dân: 211 537 022, cấp ngày 28/3/2013, tại Công an tỉnh Bình Định.

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho bên thuê đất thuê đất như sau:

1. Diện tích đất 11.938 m^2 đất *(Mười một nghìn, chín trăm ba mươi tám mét vuông)*

Tại các lô đất số H6, H7, H8, H14, H15, H16, thuộc quy hoạch điểm chăn nuôi tập trung xã Bình Tân, thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo bản vẽ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, được UBND huyện Tây Sơn phê duyệt tại Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 21/8/2013.

3. Thời hạn thuê đất là 50 năm *(năm mươi năm)* kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2065.

4. Mục đích sử dụng đất cho thuê: để xây dựng trang trại chăn nuôi.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là 150 đồng/m^2/năm (một trăm năm mươi đồng trên một mét vuông trong năm) theo Thông báo số 1191/TB-CCT ngày 26/8/2015 của Chi cục thuế huyện Tây Sơn.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Chi cục Thuế huyện Tây Sơn.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì pháp nhân mới hoặc tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của hợp đồng này;

3. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất trước thời hạn thì thông báo cho bên cho thuê đất trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất phải trả lời bên thuê đất trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện, thì bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

** Cam kết khác:*

Trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi mục đích sử dụng, giá thuê đất thì các bên có trách nhiệm làm lại hợp đồng.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan Thuế để xác định mức thu tiền sử dụng đất, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày đã ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT	BÊN CHO THUÊ ĐẤT
Nguyễn thị Thảo Nguyên	TRƯỞNG PHÒNG Nguyễn Xuân Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc
----------***----------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/ v: lắp đặt thiết bị hệ thống ao biogas và ao lắngxử lý môi trường)

Số : 17/HĐKT/2020

-Căn cứ vào bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam..

-Căn cứ luật thương mại ngày 14/06/2005 của quốc hội nước CHXHCN Việt Nam

-Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng 03 năm 2020.

A - Bên mua hàng:(Gọi tắt là bên A):

Người đại diện : Ông (Bà): Nguyễn Thị Thảo Nguyên - Chức vụ: Chủ trang trại chăn nuôi.

Địa chỉ: Mỹ Thạch – Bình Tây – Tây Sơn – Bình Định

Số điện thoại :

B - Bên bán hàng (gọi tắt là Bên B) : Công Ty CP Thiết Bị Chăn Nuôi Khánh Hùng .

Người đại diện Ông: Nguyễn Xuân Hùng -Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 16 - TT. Cẩm Xuyên- Huyện Cẩm Xuyên– Tỉnh Hà Tĩnh .

Số tài khoản: 020.1000.625.194 NH Vietcombank chi nhánh Hà Tĩnh.

MST: 3001921009.

Sau khi hai bên xem xét và thống nhất ký kết hợp đồng lắp đặt hệ thống xử lý bể bioga với các điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện:

Bên A giao cho bên B thực hiện lắp đặt hệ thống bể biogas xử lý môi trường cho trang trại chăn nuôi theo yếu tố quy trình kỹ thuật quy định, đảm bảo chất lượng và yêu cầu sử dụng.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

Chất lượng công việc do bên B thực hiện thi công phải đáp ứng được yêu cầu của bên A, phải tuân thủ các yếu tố quy trình, quy phạm chuyên ngành cụ thể:

- Trước khi thi công phải có cán bộ kỹ thuật hướng dẫn cụ thể trong quá trình lắp đặt ,đào ao, bể hệ thống bể bioga
- Khi thi công phải có hệ thống máy móc để hàn bạt đầy đủ

Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi ký kết hợp đồng bên B có trách nhiệm bố trí kỹ thuật, phương tiện máy móc và vật tư đầy đủ để tiến hành thi công
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 30 ngày kể từ khi ký hợp đồng.

Điều 4: Giá trị hợp đồng:

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)
1	Ao bioga thi công hoàn thiện Bạt lót đáy độ dày 0,5mm, liên doanh Hàn Quốc Bạt phủ mặt độ dày 1mm, Bạt Solmax Malaysia Kích thước ao bioga: 10x5x5(m) Kích thước ao lắng: 12x12x5	Ao	1	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng					**60.000.000**
(Bằng chữ:Sáu mươi triệu đồng ./.)					

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10% , đã bao gồm lắp đặt và vận chuyển.

Điều 5: Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của hai bên

5.1.Quyền và trách nhiệm của bên B:

- Chuẩn bị phương tiện vận chuyển, vật tư hàng hóa để bàn giao cho Bên A đúng thời gian và địa điểm của công trình.
- Cử cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao trực tiếp thi công công trình trong quá trình lắp đặt thiết bị.
- Sau khi công trình thi công xong trong quá trình sử dụng nếu có sự cố gì xẩy ra trong sai phạm kỹ thuật hay chất lượng công trình mà do bên B gây ra bên B sẽ chịu trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật bảo hành sửa chữa, khắc phục đảm bảo công trình.
- Thời gian bảo hành đối với ao biogas là 12 tháng.
- Trong trường hợp quá trình sử dụng nếu có sự cố do tự nhiên khách quan đưa lại như(thiên tai, bão lụt, ảnh hưởng thời tiết …) bên B sẽ có trách nhiệm hỗ trợ về kỹ thuật giúp bên A trong quá trình khắc phục hậu quả nhưng những phát sinh về chi phí vật liệu bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và bên B không chịu trách nhiệm bảo hành.

5.2.Quyền và trách nhiệm của bên A:

- Khi Bên A có nhu cầu thêm về khối lượng, chủng loại hàng hóa phải thông báo trước 10 ngày.
- Cùng Bên B bảo vệ và bảo quản các sản phẩm đang trong quá trình bàn giao.
- Bên A chủ động chuẩn bị máy móc để hoàn thiện mặt bằng trước khi bên B thi công.
- Không tự ý chuyển nhượng toàn bộ khối lượng hay một phần công việc, không thay đổi địa điểm thi công nếu không có sự đồng ý của Bên B.
- Chuẩn bị nhân lực hỗ trợ bên B trong quá trình thi công như: Người kéo bạt, trải bạt để hàn, sử dụng máy đào để lấp mối bạt theo sự chỉ đạo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật bên B.
- Tổ chức nghiệm thu kỹ thuật, số lượng và thanh toán đầy đủ cho Bên B đúng quy định.

Điều 6: Nghiệm thu và thanh toán

6.1.Nghiệm thu

- Sau khi công trình hoàn thành bên A cùng phối hợp với kỹ thuật của bên B nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng có xác nhận của 2 bên.

6.2.Thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Số tài khoản: 020.1000.625.194 Chủ tài khoản: Nguyễn Xuân Hùng

NH Vietcombank chi nhánh Hà Tĩnh.

+ Sau khi bên B vận chuyển vật tư đến chân công trình trang trại của bên A thì bên A có trách nhiệm thanh toán 90% giá trị cho bên B tương ứng với số tiền: 54.000.000đồng

(Năm mươi tư triệu đồng).

+ Sau khi bên B hoàn thiện công trình 2 bên tổ chức nghiệm thu bàn giao thì bên A thanh toán cho bên B 10% giá trị còn lại tương ứng với số tiền: 6.000.000 (Sáu triệu đồng).

Điều 7: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, không bên nào tự ý thay đổi hợp đồng. Nếu quá trình thực hiện hợp đồng có gì vướng mắc hai bên sẽ cùng trao đổi, bàn bạc, không gây trở ngại cho nhau và đi đến thống nhất trên tinh thần hợp tác.

- Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được, hai bên sẽ nhờ Tòa án kinh tế có trụ sở gần nhất của Bên B làm trung gian giải quyết. Quyết định của tòa án sẽ làm căn cứ để hai bên chấp hành.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 bản , mỗi bản gồm có 04 tờ có giá trị pháp lý như nhau , mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Bên giao thầu)	***(Bên nhận thầu)***
	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CHĂN NUÔI KHÁNH HÙNG
	Nguyễn Xuân Hùng

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ÂU VIỆT
ĐC : B24, CƯ XÁ 301, ĐƯỜNG D1, P. 25, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM
CN : SỐ 136/26 ĐỒNG KHỞI, KP4, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI
ĐT/FAX : 0616293577 - Hotline: 0902 695 765 / www.moitruongtanhuyhoang.com

MÔI TRƯỜNG ÂU VIỆT
VIMCERTS 076

VILAS 778

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

Mã số: 91-2.0820.08/KQ

1. **Đơn vị yêu cầu** : **HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN**
2. **Địa chỉ** : Thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
3. **Loại mẫu** : Nước ngầm
4. **Vị trí lấy mẫu** : Giếng khoan tại nhà dân phía Tây Nam dự án hộ chăn nuôi heo của bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên, thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
5. **Mô tả mẫu** : Nước trong
6. **Ngày lấy mẫu** : 30/07/2020 **Thời gian thử nghiệm:** 31/07/2020 – 07/08/2020
7. **Thời gian lưu mẫu:** 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
8. **Kết quả thử nghiệm:**

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	pH	-	TCVN 6492 : 2011	7,04
2	TDS	mg/l	HDCV-TB-03	542
3	Clorua (Cl^-)	mg/l	TCVN 6194 : 1996	72
4	Amoni (NH_4^+)	mg/l	US.EPA Method 350.2	0,21
5	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2-2009	KPH

Ghi chú : Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

Tp. HCM, ngày 07 tháng 8 năm 2020

PHỤ TRÁCH PTN **P. GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG
M.S.D.N: 0312014368-C.T.T.N.H.H
Q. BÌNH THẠNH TP. HỒ CHÍ MINH

VŨ THỊ HÀ **PHẠM THỊ HẢI YẾN**

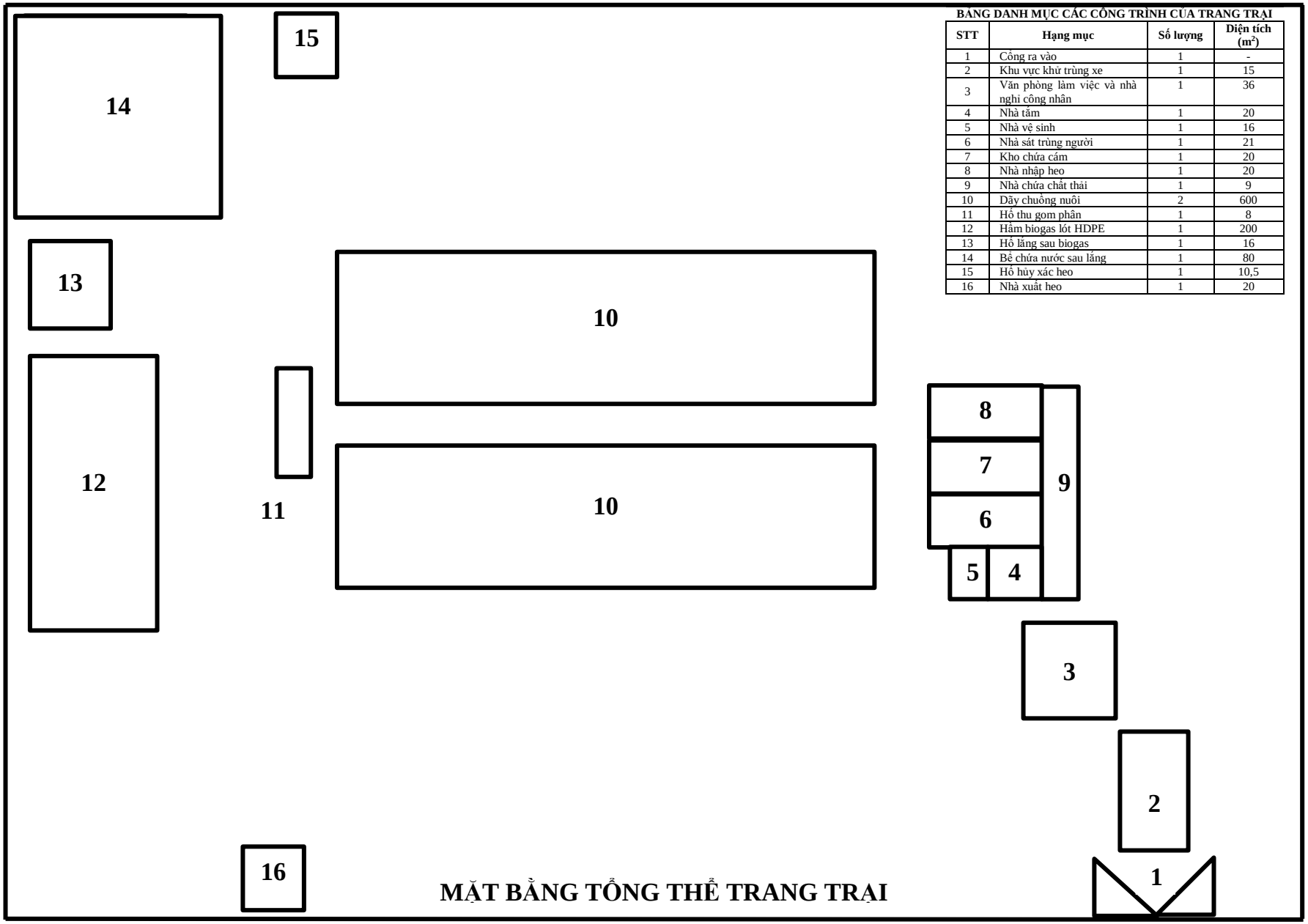

BẢNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRANG TRẠI

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m^2)
1	Cổng ra vào	1	-
2	Khu vực khử trùng xe	1	15
3	Văn phòng làm việc và nhà nghỉ công nhân	1	36
4	Nhà tắm	1	20
5	Nhà vệ sinh	1	16
6	Nhà sát trùng người	1	21
7	Kho chứa cám	1	20
8	Nhà nhập heo	1	20
9	Nhà chứa chất thải	1	9
10	Dãy chuồng nuôi	2	600
11	Hố thu gom phân	1	8
12	Hầm biogas lót HDPE	1	200
13	Hố lắng sau biogas	1	16
14	Bể chứa nước sau lắng	1	80
15	Hố hủy xác heo	1	10,5
16	Nhà xuất heo	1	20

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRANG TRẠI

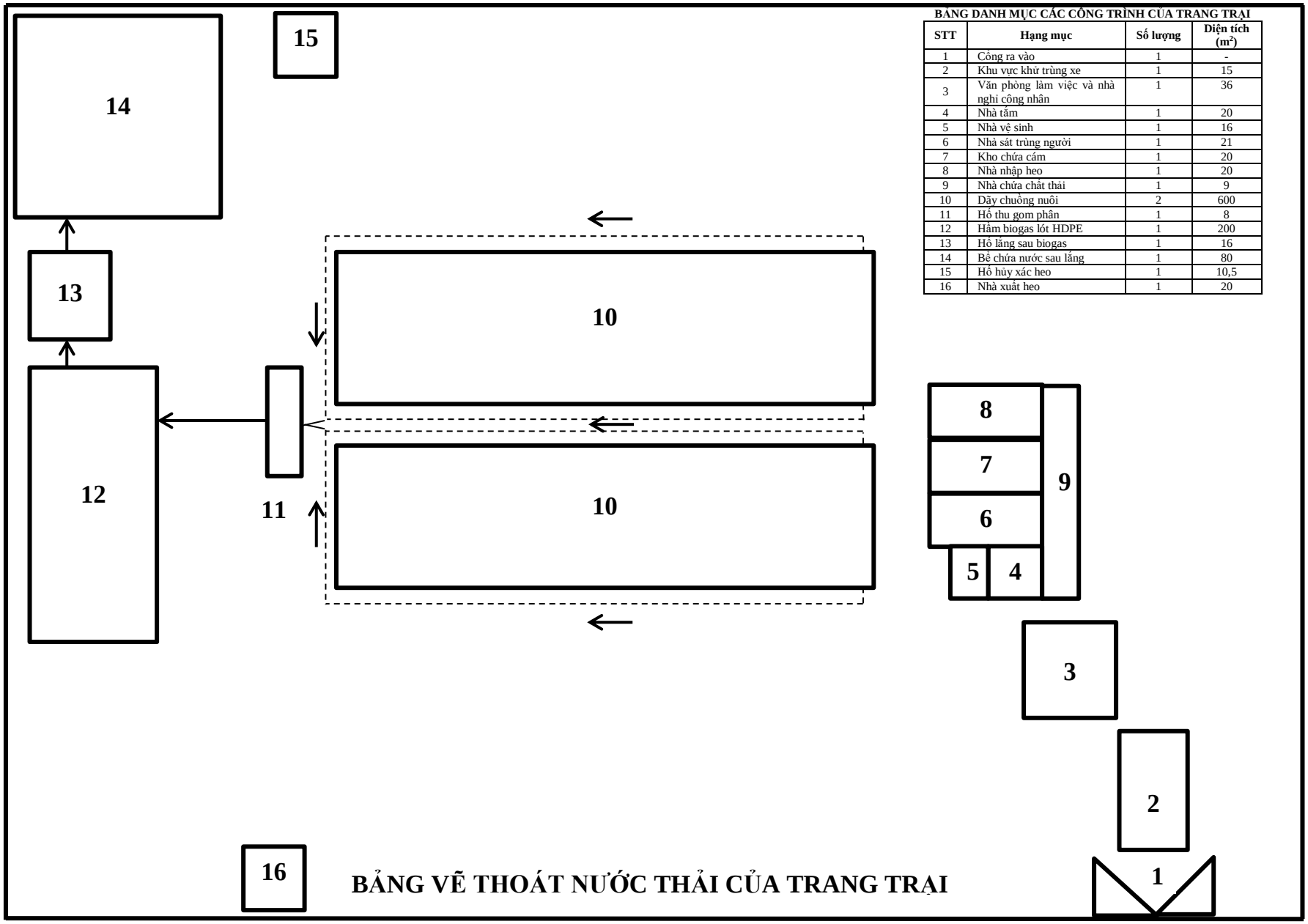

BẢNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRANG TRẠI

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m^2)
1	Cổng ra vào	1	-
2	Khu vực khử trùng xe	1	15
3	Văn phòng làm việc và nhà nghỉ công nhân	1	36
4	Nhà tắm	1	20
5	Nhà vệ sinh	1	16
6	Nhà sát trùng người	1	21
7	Kho chứa cám	1	20
8	Nhà nhập heo	1	20
9	Nhà chứa chất thải	1	9
10	Dãy chuồng nuôi	2	600
11	Hố thu gom phân	1	8
12	Hầm biogas lót HDPE	1	200
13	Hồ lắng sau biogas	1	16
14	Bể chứa nước sau lắng	1	80
15	Hố hủy xác heo	1	10,5
16	Nhà xuất heo	1	20

BẢNG VẼ THOÁT NƯỚC THẢI CỦA TRANG TRẠI